

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ SỐ 48/2009/QĐ-TTg NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2009**  
**PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT**  
**ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2009 – 2010**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2009 – 2010 (gọi tắt là Kế hoạch) với những nội dung chủ yếu sau:

**A. MỤC TIÊU ĐẾN HẾT NĂM 2010 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2015**

**I. MỤC TIÊU ĐẾN HẾT NĂM 2010**

1. Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước

a) Hướng tới xây dựng các cơ quan điện tử

- Bảo đảm trung bình 60% (năm 2009 là 30%) các thông tin chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được đưa lên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử.

- Tỷ lệ trung bình cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử cho công việc ở các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương là 80% (năm 2009 là 70%); Ủy ban nhân dân tỉnh là 60% (năm 2009 là 50%), trong đó các tỉnh miền núi (tới cấp huyện) là 30% (năm 2009 là 20%).

- Tỷ lệ Vụ, Văn phòng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương triển khai sử dụng phần mềm ứng dụng quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng là 90% (năm 2009 là 80%); Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là 80% (năm 2009 là 70%) và Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện là 50% (năm 2009 là 30%).

- Nâng tỷ lệ trung bình máy tính trên cán bộ, công chức tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Giảm thiểu việc sử dụng giấy tờ. Khuyến khích cán bộ, công chức khai thác thông tin trên môi trường mạng phục vụ công tác.

b) Thông tin liên lạc ở khoảng cách xa, kết nối các cơ quan

Tăng dần và khuyến khích sử dụng các hình thức truyền thông cơ bản: thư điện tử, điện thoại, fax, hội nghị và họp trên môi trường mạng, đưa thông tin lên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử để trao đổi thông tin ở khoảng cách xa.

## 2. Phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Bảo đảm 100% các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử với đầy đủ thông tin theo quy định tại Điều 28 của Luật Công nghệ thông tin.

b) Bảo đảm 80% (năm 2009 là 60%) số cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh và 100% số cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 cho người dân và doanh nghiệp.

c) Đẩy mạnh triển khai cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên cổng thông tin điện tử của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

## II. ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2015

1. Ứng dụng công nghệ thông tin để đổi mới phương thức cung cấp thông tin và dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp. Phấn đấu đến năm 2015 cung cấp hầu hết các dịch vụ công cơ bản trực tuyến mức độ 3 hoặc 4, người dân và doanh nghiệp có thể trao đổi thông tin, gửi, nhận hồ sơ, thanh toán phí dịch vụ, nhận kết quả dịch vụ qua mạng.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin để đổi mới phương thức quản lý tài nguyên thông tin trong các cơ quan nhà nước. Phát triển các cơ sở dữ liệu quốc gia về con người, đất đai, tài chính, kinh tế, công nghiệp và thương mại tạo nền tảng triển khai Chính phủ điện tử. Từng bước tích hợp các hệ thống thông tin, tiếp tục xây dựng và mở rộng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành chung của cơ quan nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước nhằm xây dựng môi trường làm việc điện tử giữa các cơ quan nhà nước trên phạm vi toàn quốc, tạo thói quen làm việc của cán bộ, công chức trên môi trường mạng và hệ thống thông tin trợ giúp, thay thế văn bản giấy.

## B. NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH

### I. NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện cải tiến quy trình công việc, thủ tục và chuẩn hóa nghiệp vụ; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2000.

2. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả ứng dụng các hệ thống thông tin phục vụ sự chỉ đạo, điều hành và quản lý của các cơ quan nhà nước, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Hệ thống thư điện tử;

b) Hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành;

c) Số hóa nguồn thông tin chưa ở dạng số theo thứ tự ưu tiên về thời gian và tầm quan trọng; tăng cường sử dụng văn bản điện tử.

3. Bảo đảm các cuộc họp của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

các cuộc họp của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với các cơ quan trực thuộc có thể được thực hiện từ xa.

4. Phát triển và cung cấp thông tin trực tuyến phục vụ cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước: thông tin công khai về tuyển dụng, chế độ lương, hưu, bảo hiểm, khen thưởng, kỷ luật.

5. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục xây dựng và triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động nghiệp vụ phù hợp với đặc thù của từng cơ quan.

## **II. PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP**

1. Xây dựng và hoàn thiện các cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp theo Điều 28 của Luật Công nghệ thông tin. Tiếp tục cung cấp biểu mẫu điện tử qua cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ tình hình thực tế chỉ đạo triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3. Trong giai đoạn 2009 – 2010 ưu tiên triển khai các nhóm dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 sau đây:

- a) Cấp giấy đăng ký kinh doanh;
- b) Cấp giấy phép đầu tư;
- c) Cấp giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;
- d) Cấp giấy phép xây dựng;
- đ) Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng;
- e) Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất;
- g) Cấp giấy đăng ký ô tô, xe máy;
- h) Cấp giấy đăng ký tạm trú, tạm vắng;
- i) Giải quyết khiếu nại, tố cáo;
- k) Cấp giấy đăng ký hành nghề y, dược;
- l) Cấp giấy phép hoặc dịch vụ đặc thù.

3. Hình thành kênh tiếp nhận ý kiến góp ý trên môi trường mạng, tổ chức đối thoại trực tuyến, chuyên mục hỏi đáp trực tuyến về hoạt động của các cơ quan nhà nước để phục vụ người dân, doanh nghiệp.

## **III. XÂY DỰNG NỀN TẢNG PHỤC VỤ CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ**

1. Phát triển hạ tầng truyền thông

a) Hoàn thành việc xây dựng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

b) Xây dựng và nâng cấp các mạng nội bộ (LAN) và mạng diện rộng (WAN) của các cơ quan nhà nước.

2. Phát triển cơ sở dữ liệu

Từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin nêu trong Kế hoạch này. Tập trung chuẩn bị đầu tư và phát triển các cơ sở dữ liệu quốc gia (trong Phụ lục I).

3. Xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công nghệ thông tin áp dụng trong các cơ quan nhà nước.

4. Phát triển mô hình điểm

Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và lựa chọn mô hình ứng dụng công nghệ thông tin điển hình cấp huyện để phổ biến áp dụng rộng rãi.

5. Bảo đảm an toàn thông tin

a) Từng bước xây dựng hạ tầng khóa công khai cho các cơ quan nhà nước.

b) Xây dựng Trung tâm kỹ thuật an toàn mạng quốc gia.

c) Hoàn chỉnh hệ thống cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia (RootCA) và cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số (CA).

d) Xây dựng Hệ thống xác thực quốc gia.

đ) Xây dựng Trung tâm kiểm thử các giải pháp công nghệ thông tin phục vụ phát triển Chính phủ điện tử.

6. Hoàn chỉnh môi trường pháp lý

a) Ban hành quy định về sử dụng các chương trình ứng dụng, hệ thống thông tin, cập nhật thông tin trên môi trường mạng.

b) Xây dựng và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật về công nghệ thông tin.

#### **IV. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

1. Tiếp tục xây dựng và phát triển đội ngũ giám đốc công nghệ thông tin; bồi dưỡng kiến thức công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước.

2. Nghiên cứu xây dựng chế độ ưu đãi đối với cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin.

3. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về quản lý dự án công nghệ thông tin.

4. Đẩy mạnh ứng dụng đào tạo trực tuyến (online) cho cán bộ, công chức.

#### **C. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**I.** Ngân sách trung ương đảm bảo kinh phí để triển khai thực hiện những dự án, nhiệm vụ mang tính quốc gia phục vụ cho cả hệ thống. Ngân sách trung ương hỗ trợ một phần kinh phí cho các địa phương thực sự khó khăn, trên cơ sở nhu cầu của địa phương và khả năng cân đối của ngân sách trung ương. Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mức hỗ trợ cụ thể.

**II.** Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ bảo đảm kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ phục vụ cho hoạt động của mình từ dự toán chi ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác, nếu có.

**III.** Ngân sách địa phương bảo đảm thực hiện các dự án, nhiệm vụ phục vụ cho hoạt động thuộc phạm vi của địa phương.

#### **D. CÁC GIẢI PHÁP**

I. Kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với việc thực hiện Chương trình cải cách hành chính để ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước có tác dụng thực sự để thúc đẩy cải cách hành chính và tăng hiệu quả của ứng dụng công nghệ thông tin.

## **II. ĐA DẠNG HÓA CÁC HÌNH THỨC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ**

1. Khuyến khích đa dạng hóa các hình thức sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông: sử dụng điện thoại, thư điện tử, nhắn tin và các hình thức thông tin liên lạc khác để cung cấp thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp, không giới hạn chỉ sử dụng Internet, mạng máy tính.

2. Đối với các tỉnh có tỷ lệ người sử dụng Internet thấp, cần xem xét kỹ hiệu quả sử dụng và hiệu quả đầu tư khi chuyển từ trang thông tin điện tử sang cổng thông tin điện tử và xây dựng các dịch vụ công trực tuyến.

## **III. LIÊN HỆ GIỮA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC VỚI CÁC TỔ CHỨC, ĐOÀN THỂ, DOANH NGHIỆP**

1. Tăng cường quan hệ giữa các cơ quan nhà nước với các tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp để thực hiện tốt các dịch vụ trực tuyến và các hệ thống thông tin, bảo đảm việc ứng dụng công nghệ thông tin ổn định, thường xuyên.

2. Triển khai các hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

3. Khuyến khích tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công nghệ thông tin.

IV. Tổ chức tuyên truyền rộng rãi nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức và các lợi ích trong việc xây dựng Chính phủ điện tử cho cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp.

V. Nghiên cứu tiếp thu kinh nghiệm tốt của các nước có Chính phủ điện tử phát triển; tiếp cận ứng dụng công nghệ, phương thức thực hiện tiên tiến vào điều kiện thực tế của Việt Nam.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Căn cứ vào Kế hoạch này, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo việc xây dựng và tổ chức thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2009 và năm 2010 của cơ quan mình và gửi Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, theo dõi, đánh giá việc thực hiện;

b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ được giao chủ trì thực hiện các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin nêu trong Phụ lục I có trách nhiệm xây dựng, thẩm định và phê duyệt các dự án, nhiệm vụ này theo đúng các quy định hiện hành, gửi về Bộ Thông tin và Truyền thông trước ngày 15 tháng 7 năm 2009 để thẩm tra, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ;

c) Các tỉnh nêu trong Phụ lục II có trách nhiệm xây dựng, thẩm định và phê duyệt các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin theo đúng các quy định hiện hành, gửi về Bộ Thông tin và Truyền thông trước ngày 15 tháng 7 năm 2009 để thẩm tra, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ;

d) Kiểm tra, đánh giá và báo cáo định kỳ 6 tháng và đột xuất tình hình thực hiện Kế hoạch này theo hướng dẫn và yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

đ) Bảo đảm kinh phí (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) để thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin theo kế hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

## 2. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Tăng cường hoạt động của Ban Điều hành triển khai công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2009 – 2010;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan để nghiên cứu việc tích hợp các chương trình ứng dụng, liên kết giữa các mạng, các trung tâm dữ liệu quốc gia và phổ biến các mô hình điểm;

c) Xây dựng và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật về công nghệ thông tin;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện thí điểm việc thuê dịch vụ để xây dựng và duy trì hoạt động các hệ thống thông tin và các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra và tổng hợp việc thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2009 – 2010; xây dựng báo cáo định kỳ 6 tháng gửi Thủ tướng Chính phủ, đề xuất các điều chỉnh cho phù hợp với tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn quốc;

e) Hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ xây dựng và triển khai các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin nêu trong Phụ lục I nhằm bảo đảm đạt được mục tiêu của Kế hoạch này;

g) Hướng dẫn các tỉnh nêu trong Phụ lục II xây dựng và triển khai các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin bảo đảm đạt được mục tiêu của Kế hoạch này;

h) Thẩm tra các dự án, nhiệm vụ do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh nêu trong Phụ lục I và Phụ lục II đề xuất để thực hiện Kế hoạch này về mục tiêu, nội dung chuyên môn, tiêu chuẩn kỹ thuật, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2009 và bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2010 cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh để thực hiện;

i) Nghiên cứu, đề xuất phương án nâng cấp, mở rộng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước. Xây dựng và ban hành cơ chế chi phí sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng phù hợp với điều kiện của các cơ quan Đảng và Nhà nước;

k) Tổ chức hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ để triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước. Xây dựng tài liệu, tổ chức đào tạo và tập huấn về quản lý dự án công nghệ thông tin;

l) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho giám đốc công nghệ thông tin và cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin;

m) Chỉ đạo, triển khai công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

n) Xây dựng Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 – 2015 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc bố trí vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho các dự án, nhiệm vụ cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để thực hiện.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc bố trí vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương cho các dự án, nhiệm vụ cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để thực hiện.

5. Bộ Nội vụ chủ trì nghiên cứu xây dựng chính sách ưu đãi thích hợp cho cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**KT. THỦ TƯỚNG**  
**PHÓ THỦ TƯỚNG**  
**Nguyễn Thiện Nhân**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN GIAI**  
**ĐOẠN 2009 – 2010 ĐƯỢC NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG BẢO ĐẢM**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2009/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2009*  
*của Thủ tướng Chính phủ)*

**NHÓM A: NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**

| STT | Tên dự án   | Thời gian thực hiện | Đơn vị chủ trì               | Ghi chú                          |
|-----|---|---------------------|------------------------------|----------------------------------|
| 1   | Mở rộng Hệ thống giao ban điện tử đa phương tiện giữa Thủ tướng Chính phủ với các Bộ, ngành, địa phương | 2009 - 2010         | Văn phòng Chính phủ          |                                  |
| 2   | Xây dựng Hệ thống thư điện tử quốc gia  | 2009 - 2011         | Bộ Thông tin và Truyền thông | Năm 2009: chuẩn bị đầu tư        |
| 3   | Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư  | 2008 - 2011         | Bộ Công an                   | Năm 2008 - 2009: chuẩn bị đầu tư |
| 4   | Hệ thống thông tin giao thông vận tải   | 2008 – 2010         | Bộ Giao thông vận tải        |                                  |
| 5   | Hệ thống quản lý thông tin đầu tư nước ngoài  | 2008 – 2011         | Bộ Kế hoạch và Đầu tư        |                                  |
| 6   | Hệ thống thông tin quản lý y tế dự phòng  | 2008 – 2010         | Bộ Y tế                      |                                  |
| 7   | Xây dựng bệnh án điện tử và quản lý hệ thống khám chữa bệnh   | 2009 – 2010         | Bộ Y tế                      |                                  |
| 8   | Hệ thống thông tin quản lý khiếu nại, tố cáo  | 2008 – 2009         | Thanh tra Chính phủ          |                                  |
| 9   | Cơ sở dữ liệu quốc gia quản lý các dự án ứng dụng công nghệ thông tin                                   | 2008 – 2009         | Bộ Thông tin và Truyền thông |                                  |
| 10  | Xây dựng trung tâm kiểm thử các giải pháp công nghệ thông tin phục vụ phát triển chính phủ điện tử      | 2009 – 2010         | Bộ Thông tin và Truyền thông |                                  |
| 11  | Xây dựng cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã                      | 2009 – 2010         | Bộ Nội vụ                    |                                  |
| 12  | Mở rộng Hệ thống Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia                                 | 2009 – 2011         | Bộ Thông tin và Truyền thông | Năm 2009:                        |



|    |  |             |                              |                           |
|----|--|-------------|------------------------------|---------------------------|
|    | (RootCA)   |             | Truyền thông                 | chuẩn bị đầu tư           |
| 13 | Xây dựng Hệ thống xác thực quốc gia  | 2009 – 2011 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Năm 2009: chuẩn bị đầu tư |
| 14 | Triển khai hệ thống chứng thực điện tử và chữ ký số trong các cơ quan nhà nước giai đoạn 2009 – 2010     | 2009 – 2011 | Bộ Nội vụ                    | Năm 2009: chuẩn bị đầu tư |
| 15 | Phát triển hệ thống thông tin quản lý văn bản tích hợp trong toàn quốc cho các cơ quan Chính phủ         | 2009 – 2011 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Năm 2009: chuẩn bị đầu tư |
| 16 | Cơ sở dữ liệu quốc gia kinh tế công nghiệp và thương mại   | 2009 – 2011 | Bộ Công Thương               | Năm 2009: chuẩn bị đầu tư |
| 17 | Phát triển hệ thống thông tin về văn bản quy phạm pháp luật thống nhất từ Trung ương tới các địa phương. | 2009 – 2010 | Bộ Tư pháp                   |                           |

#### NHÓM B: NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP

| STT | Tên nhiệm vụ  | Thời gian thực hiện | Đơn vị chủ trì               | Ghi chú |
|-----|---|---------------------|------------------------------|---------|
|     | <b>Các nhiệm vụ thường xuyên</b>  |                     |                              |         |
| 1   | Kinh phí phục vụ cho hoạt động của Ban Điều hành triển khai công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước          | 2009 – 2010         | Ban Điều hành                |         |
| 2   | Xây dựng danh sách các dịch vụ công, xác định các dịch vụ công cơ bản, các quan hệ cơ bản giữa các cơ quan chính phủ thông qua các dịch vụ công | 2009 – 2010         | Bộ Thông tin và Truyền thông |         |
| 3   | Duy trì cập nhật hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn về công nghệ thông tin áp dụng trong các cơ quan nhà nước                                   | 2009 – 2010         | Bộ Thông tin và Truyền thông |         |
| 4   | Hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và quản lý dự án công nghệ thông tin                             | 2009 – 2010         | Bộ Thông tin và Truyền thông |         |
| 5   | Bồi dưỡng, tập huấn giám đốc công nghệ thông tin và cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin                                       | 2009 – 2010         | Bộ Thông tin và Truyền       |         |

|   |  |             |                              |  |
|---|--|-------------|------------------------------|--|
|   |  |             | thông                        |  |
| 6 | Nghiên cứu, đánh giá và lựa chọn mô hình ứng dụng công nghệ thông tin điện hình cấp huyện để phổ biến áp dụng rộng rãi | 2009 – 2010 | Bộ Thông tin và Truyền thông |  |

**Phụ lục II**  
**DANH SÁCH CÁC TỈNH ĐƯỢC XEM XÉT HỖ TRỢ KINH PHÍ TỪ NGÂN SÁCH**  
**TRUNG ƯƠNG ĐỂ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2009/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2009*  
*của Thủ tướng Chính phủ)*

| <b>STT</b> | <b>Tên tỉnh</b> |
|------------|-----------------|
| 1          | Hà Giang        |
| 2          | Tuyên Quang     |
| 3          | Cao Bằng        |
| 4          | Lạng Sơn        |
| 5          | Yên Bái         |
| 6          | Thái Nguyên     |
| 7          | Bắc Kạn         |
| 8          | Phú Thọ         |
| 9          | Bắc Giang       |
| 10         | Hòa Bình        |
| 11         | Sơn La          |
| 12         | Điện Biên       |
| 13         | Lai Châu        |
| 14         | Hưng Yên        |
| 15         | Bắc Ninh        |
| 16         | Hà Nam          |
| 17         | Nam Định        |
| 18         | Ninh Bình       |
| 19         | Thái Bình       |
| 20         | Thanh Hóa       |
| 21         | Hà Tĩnh         |
| 22         | Quảng Bình      |
| 23         | Quảng Trị       |
| 24         | Thừa Thiên Huế  |
| 25         | Quảng Nam       |
| 26         | Quảng Ngãi      |
| 27         | Bình Định       |
| 28         | Phú Yên         |
| 29         | Ninh Thuận      |
| 30         | Bình Thuận      |

|    |            |
|----|------------|
| 31 | Đắk Nông   |
| 32 | Gia Lai    |
| 33 | Kon Tum    |
| 34 | Lâm Đồng   |
| 35 | Tây Ninh   |
| 36 | Bình Phước |
| 37 | Long An    |
| 38 | Tiền Giang |
| 39 | Vĩnh Long  |
| 40 | Hậu Giang  |
| 41 | Bến Tre    |
| 42 | Trà Vinh   |
| 43 | Sóc Trăng  |
| 44 | An Giang   |
| 45 | Đồng Tháp  |
| 46 | Kiên Giang |
| 47 | Bạc Liêu   |
| 48 | Cà Mau     |